TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2026/HN&GĐ-ST
Ngày: 17/8/2026
V/v : Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Chỉ và bà Đồng Thị Mây

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Duy Đạt - Kiểm sát viên

Ngày 17/8/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 333/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 về việc: *Ly hôn* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2026/QĐXX-ST ngày 10/4/2026, quyết định hoãn phiên tòa số 64/2026/QĐST-HN&GĐ ngày 29/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Ư, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn K (nay là thôn K), xã K, thành phố Hải Phòng.

Số CCCD: 030180014468 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/8/2021.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn K (nay là thôn K), xã K, thành phố Hải Phòng.

Số CCCD: 030074006226 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/09/2022.

(Chị Ư vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Vũ Thị Ư trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn K được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã K, TP Hải Phòng) vào ngày 06/10/1998. Anh chị kết hôn, chung sống với nhau tại thôn K, xã Đ và chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi chửi, xúc phạm nhau. Anh K không quan tâm gì đến chị, các con và có biểu hiện quan hệ với người phụ nữ khác, lạnh nhạt với vợ con, anh K thường xuyên không quan tâm tới vợ con, không về ở với chị mà về nhà bố mẹ anh K ở gần đó, vợ chồng không nói chuyện với nhau. Từ trước đến nay anh K không đưa tiền cho chị để lo sinh hoạt, không lo tiền học hành cho con, một mình chị phải gánh vác toàn bộ. Năm 2006 anh K đã viết đơn ly hôn và bắt chị ký đơn nhưng vì nghĩ đến con nên chị không ký vào đơn. Mặc dù chị cũng đã khuyên bảo anh K và cho anh K cơ hội để quay về gia đình nhưng anh K vẫn không chịu thay đổi, thường xuyên đi ra ngoài và có biểu hiện lăng nhăng với người phụ nữ khác, không quan tâm tới vợ con. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Anh chị đã ly thân nhau từ năm 2004 cho tới nay, không ai còn quan tâm tới ai nữa, kinh tế mỗi người từ trước đến nay vẫn độc lập không liên quan gì đến nhau. Trong khoảng thời gian ly thân thì anh K cũng không liên lạc hay động viên chị để vợ chồng hàn gắn, anh K vẫn không để ý gì đến cuộc sống của mẹ con chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung: Nguyễn Thị Huyền T - sinh ngày 10/8/1999 và Nguyễn Thị Thu P - sinh ngày 25/9/2004. Các cháu đều đã trưởng thành tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh K và tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh K nhưng anh K không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, không gửi quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Toà án đã nhiều lần đến nhà tìm gặp anh K và gia đình anh K nhưng không ai có ở nhà.

Tại biên bản xác minh tại trưởng thôn K (nay là thôn K) xác định: Anh K, chị Ư kết hôn và chung sống cùng nhau với bà B là mẹ anh K trên cùng thửa đất. Giữa anh K, chị Ư xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể thì địa phương không nắm được, chỉ được biết anh K, chị Ư đã ly thân nhau từ lâu. Anh K có hộ khẩu thường trú tại thôn K, hiện nay anh K đi làm thỉnh thoảng về địa phương, còn cụ thể anh K đi đâu, làm gì thì địa phương không nắm được.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị B là mẹ đẻ anh K xác định: Chị Ư và anh K kết hôn và chung sống với nhau ở gần nhà bà. Tuy nhiên trong cuộc sống, anh K đi làm ăn thỉnh thoảng về nhà nhưng chỉ chốc lát nên vợ chồng

xảy ra mâu thuẫn. Gia đình hai bên đã nhiều lần động viên, hoà giải vợ chồng anh K nhưng anh K đều không nói gì. Anh chị đã ly thân với nhau, mỗi người ở một nơi, không chung sống cùng nhau được hơn 10 năm nay, kể từ khi sinh cháu thứ hai. Anh K đi làm ăn về cũng chỉ về nhà bà. Bà đã nhận các giấy tờ của Toà án gửi cho anh K và thông báo cho anh K. Bà sẽ động viên để anh K về Toà án làm việc và hoà giải quan hệ vợ chồng hai anh chị.

Tại Đơn trình bày của chị Nguyễn Thị Huyền T và chị Nguyễn Thị Thu P (là con đẻ của chị Ư, anh K): Các chị là con của mẹ Ư, bố K. Bố mẹ các chị chung sống cùng nhau trong cuộc sống luôn xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung cũng như tính cách không hợp nhau dẫn đến nhiều lần các chị chứng kiến được bố mẹ cãi nhau. Bố các chị không quan tâm đến mẹ chị, cũng không động viên mẹ chị trong cuộc sống hàng ngày. Bố chị đã không sống cùng với mẹ chị từ rất lâu rồi, chỉ có ba mẹ con chị sống với nhau, còn bố chị đi làm ăn thỉnh thoảng về nhà thì cũng chỉ về nhà bà nội chị là Nguyễn Thị B chứ cũng không về chung sống với mẹ chị. Thời điểm các chị đi lấy chồng nhưng vẫn thường xuyên về nhà mẹ chị. Tuy nhiên bố chị cũng không về ở cùng mẹ chị. Nay mẹ chị nộp đơn xin ly hôn tại Toà án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng thì đề nghị Toà án giải quyết cho mẹ chị được ly hôn bố chị để giải phóng cuộc sống cho mẹ chị.

Tại phiên tòa: Chị Ư vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh K, anh K đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử cho chị Vũ Thị Ư được ly hôn anh Nguyễn Văn K. Về con chung: Vợ chồng

chị Ư, anh K có 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền T - sinh ngày 10/8/1999 và Nguyễn Thị Thu P - sinh ngày 25/9/2004. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, tự lập nên không đặt ra việc giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ư không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị Ư phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị Ư yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn K nên quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn. Bị đơn anh K hiện đang cư trú tại thôn K (nay là thôn K), xã K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh K được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chị Ư vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị Ư, anh K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Ư và anh Nguyễn Văn K kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K (nay là UBND xã K, TP Hải Phòng) vào ngày 06/10/1998 là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Ư thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ư, anh K do trong quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh K không quan tâm gì đến chị và các con và có biểu hiện quan hệ với người phụ nữ khác, lạnh nhạt với vợ con, ít khi về nhà, mỗi lần về cũng không quan tâm tới vợ con, không về ở với chị Ư mà về nhà bố mẹ anh K ở gần đó, vợ chồng không nói chuyện với nhau. Vợ chồng ly thân nhau từ nhiều năm nay, không còn ai quan tâm tới ai nữa. Anh K cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân với chị Ư, vắng mặt tại phiên hoà giải. Chị Ư vẫn kiên quyết đề nghị xin ly hôn với anh K. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ư, anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Toà án chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị Ư xin được ly hôn anh K là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Ư và anh K có 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền T - sinh ngày 10/8/1999 và Nguyễn Thị Thu P - sinh ngày 25/9/2004. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ư không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Anh K không trình bày quan điểm. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị Ư phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Ư được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị Ư phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo biên lai ký hiệu: BLTU/26E số 0005675 ngày 12/05/2026. Chị Ư đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Ư, anh K. Chị Ư, anh K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS khu vực 10 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP Hải Phòng;
- UBND xã Kim Thành, TP Hải Phòng.
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hạnh